

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+RP2+PVD6	7:25	5+2+15	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
2		PVD6+P6+P3	7:25	22+0+0	0+0+0		18+1+3	0+0+0	
3		PVD6+TD5+GTCl	9:25	17+4+0	0+0+0		14+7+0	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ TD5-GTCl

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/BK14 CHUYỂN QUA GTCl QUA ĐIỂM TD5
2/PVD6-2 NGƯỜI ĐI VỀ TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2019	TO: P7 - RP2 - PVD6	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vân - QViệt - Vũ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SADOVNICHENKO	P7	69	1	10		96	KHOAN	Russian
2	PHAM VAN THIET	P7	72-73	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
3	QUACH VAN CU	P7	74	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM KIEN TRUC	P7	71	1	17		75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG TUYEN	P7	70	1	15	12	65	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN HONG SON	RP2	86	1	9	18	65	T-TIN	Vietnamese
7	TRAN VO NGOC QUYNH	RP2	85	1	4	25	60	NHATHAU	Vietnamese
8	DAVID WAYNE CLENDENING	PVD6	07-08	2	9	33	114	KHOAN	American
9	MCEWAN ROGER WILLIAM	PVD6	13	1	14		102	KHOAN	New Zealand
10	NGUYEN XUAN TAO	PVD6	09	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MINH QUANG	PVD6	12	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM MINH TUAN	PVD6	14	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUY HUNG	PVD6	16	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
14	VU HOANG CUNG	PVD6	03	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
15	HO HONG THUAN	PVD6	10	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
16	DINH XUAN THIEM	PVD6	11	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
17	VU DINH VINH	PVD6	04	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
18	LE TAN DAT	PVD6	05	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN BINH MINH	PVD6	02	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
20	SU HUU QUYNH	PVD6	01	1	5		74	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG ANH TUAN	PVD6	06	1	7		63	XAYLAP	Vietnamese
22	BUI VAN TUAN	PVD6	15	1	9		64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	5	6	59	370	12	0		
2	RP2	2	2	13	125	43	2		
3	PVD6	15	16	106	1.052	33	20		
TOTAL		22	24	178	1.547	88	22		
WEIGHT KG				178	1.547	88			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2019	TO: PVD6 - P6 - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - CHIẾN - Năm	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ANH TUAN	PVD6	45	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN DINH DAT	PVD6	61	1	10		50	XAYLAP	Vietnamese
3	ORLOV	PVD6	66	1	5		85	KH-THAC	Russian
4	POPOV	PVD6	65	1	5		75	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN DUY PHUC	PVD6	60	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
6	MAI VAN LUAN	PVD6	64	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	DOAN MINH TIEN	PVD6	44	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN MANH TUAN	PVD6	69	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN QUAN	PVD6	68	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG CUONG	PVD6	70-71	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN HUY	PVD6	55	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN BA THOI	PVD6	67	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN KHAC TRIEU	PVD6	56-57	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
14	LE MANH HUNG	PVD6	43	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	TRINH XUAN TUNG	PVD6	41-42	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
16	LE NGUYEN TRONG NGHI	PVD6	46-47	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
17	BANG VINH PHU	PVD6	48	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG ANH DUNG	PVD6	49-50	2	15		72	KHOAN	Vietnamese
19	BUI THIEN THUAT	PVD6	51-52	2	12		82	KHOAN	Vietnamese
20	CHRISTOPHER HILLER	PVD6	53-54	2	17		116	KHOAN	Canadian
21	NGUYEN TAN THANH	PVD6	58-59	2	15		72	KHOAN	Vietnamese
22	HOANG THAI SON	PVD6	62-63	2	12		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	22	31	211	1.614	0	18		
2	P6	0	0	0	0	0	1		
3	P3	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	31	211	1.614	0	22		
WEIGHT KG				211	1.614	0			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2019	TO: PVD6 - TD5 - GTC1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Phong - CHIẾN - Năm	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU HUY TOA	PVD6	51	1	11		66	KHOAN	Vietnamese
2	BUI VAN NINH	PVD6	36-37	2	14		76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO TUAN ANH	PVD6	40	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN CONG HOANG	PVD6	39,52	2	16		69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN TRONG MANH	PVD6	38	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TRONG ĐỨC	PVD6	26-27	2	18		68	CODIEN	Vietnamese
7	LE MINH ĐỨC	PVD6	21,35	2	10		66	CODIEN	Vietnamese
8	PHUNG VAN CUONG	PVD6	22-23	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG ĐAI	PVD6	30-31	2	16		74	XAYLAP	Vietnamese
10	DO HOAI NAM	PVD6	41-42	2	15	48	67	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM VAN PHUC	PVD6	19-20	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐANG ANH TUAN	PVD6	28-29	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM ĐỀ	PVD6	34	1	9		77	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN TUAN NGOC	PVD6	24-25	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN PHUC SANG	PVD6	43-45	3	17		62	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG HUY	PVD6	32	1	6		60	DKVN	Vietnamese
17	KIEU TUAN ANH	PVD6	33	1	12		71	DKVN	Vietnamese
18	BUI QUANG TUYNH	TD5	99	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
19	ĐINH QUANG CHIEN	TD5	2000	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
20	LUONG HUNG TRIET	TD5	96	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
21	MAI THE HIEN	TD5	97-98	2	14		96	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	17	29	237	1.152	48	14		CHUYEN 1 PAX TD5 SANG GTC1
2	TD5	4	5	45	296	0	7		
3	GTC1	0	0	0	0	10	0		
TOTAL		21	34	282	1.448	58	21		
WEIGHT KG				282	1.448	58			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD1+CLO+PPD	7:25	1+0+9	0+0+0		2+0+19	0+0+0	CHUYEN 11 PAX PVD1-CLO
2		RP3+RP2+VSP02	7:25	13+3+0	0+0+0		13+4+5	0+0+0	
3		P1+P2+TD1+TD5	7:25	7+6+7+0	0+0+0+0		3+0+6+11	0+0+0+0	
4		TTC2+P8+PPD	9:25	0+3+16	0+0+0		0+1+20	0+0+0	CHUYEN 2 PAX TTC2-P8
5		P4+BK10+CTK3	9:25	19+0+2	0+0+0		17+2+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ BK14 VỀ QUA TD5; TD3 VÀ P2-9 NGUOI VỀ QUA PPD



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/01/2019	TO: PVD1 - CLO - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hôi - KHOÀN - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO TRAN DUC	PVD1	81-82	2	13	18	96	DVL	Vietnames
2	PHAM TAI	PPD	31	1	5	60	70	KHI	Vietnames
3	DO CHUNG KIEN	PPD	35	1	6	11	67	KHI	Vietnames
4	HOANG MINH HIEU	PPD	34	1	5		63	KHI	Vietnames
5	PHAM HAI QUANG	PPD	33	1	4		76	KHI	Vietnames
6	NGUYEN CONG HIEN	PPD	36	1	4		65	KHI	Vietnames
7	TRAN LE RANG	PPD	29	1	6		84	KHI	Vietnames
8	NGUYEN TIEN VU	PPD	27-28	2	10		81	KHI	Vietnames
9	NGUYEN VAN TA	PPD	32	1	4		74	KHI	Vietnames
10	LE QUANG NINH	PPD					65	KHI	Vietnames
11	DO VAN THANH	PPD	30	1	5		80	KHI	Vietnames

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	1	2	13	96	18	1+11		CHUYEN 11PAX TU PVD1 SANG CLO
2	CLO	0	0	0	0	0	0		
3	PPD	10	10	49	725	71	20		
TOTAL		11	12	62	821	89	21		
WEIGHT KG				62	821	89			

GRAND TOAL: 972 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/01/2019	TO: RP3 - RP2 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - HUY	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAMBUROV E.N.	RP3	06	1	12		98	KH-THAC	Russian
2	LAM TIEN PHI	RP3	04	1	5		75	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN SANG	RP3	03	1	4		55	KHI	Vietnamese
4	TRAN VAN SEN	RP3					75	KHI	Vietnamese
5	BUI VAN HUNG	RP3					72	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG HOA	RP3	08	1	5		72	KHI	Vietnamese
7	HOANG CONG QUAN	RP3	09	1	8		75	KHI	Vietnamese
8	DUONG HONG QUAN	RP3	07	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN HUY TRUONG	RP3	02	1	4		65	KHI	Vietnamese
10	PHAM VAN LAP	RP3					65	KHI	Vietnamese
11	HA VAN THUY	RP3	01	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	PHAM BINH NAM	RP3	05	1	5		60	KHI	Vietnamese
13	TA PHI KHANH	RP3					70	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN CANH TAN	RP2					80	KH-THAC	Vietnamese
15	CHERNIADEV	RP2	02	1	5	50	67	NIPI	Russian
16	KYREEV	RP2	01	1	5		90	NIPI	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	13	9	52	922	0	13		
2	RP2	3	2	10	237	50	4		
3	VSP02	0	0	0	0	60	5		
TOTAL		16	11	62	1.159	110	22		
WEIGHT KG				62	1.159	110			

GRAND TOAL: 1.331 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/01/2019	TO: P1 - P2 - TD1 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - VTHU - HTNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC LONG	P1	27	1	15	20	55	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN ĐAI HAI	P1	52	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
3	THIEU VAN LONG	P1	23-24	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐAO MINH HAI	P1	03	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
5	HÀ ĐỨC KHANH	P1	25-26	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HIEN	P1	04	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUONG	P1	01-02	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
8	VU HUONG	P2					58	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYEN THANH BACH	P2	04	1	10	25	60	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC PHUOC	P2	06	1	7	20	77	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYEN MINH HIEU	P2	05	1	10	26	65	D-HANH	Vietnamese
12	MULNIUCHKIN V.V.	P2	01	1	15		95	DVL	Russian
13	PHAN THANH TINH	P2	02	1	10	12	69	DVL	Vietnamese
14	SHMAKOV A.A	TD1	14	1	10		78	KHOAN	Russian
15	NGUYEN TUAN DUONG	TD1	17	1	10		82	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN MANH TRUONG	TD1	16	1	12		80	DVL	Vietnamese
17	PHAM QUANG TRUNG	TD1	18	1	14		80	DVL	Vietnamese
18	VU HAI THANG	TD1	20	1	12		73	DVL	Vietnamese
19	PHAM TUNG VY	TD1	15	1	10		67	DVL	Vietnamese
20	VU MANH NAM	TD1	19	1	20		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	7	10	88	464	20	3		THAO 2 GHE CHO HANG
2	P2	6	5	52	424	83	0		
3	TD1	7	7	88	535	0	6		
4	TD5	0	0	0	0	20	11		
TOTAL		20	22	228	1.423	123	20		
WEIGHT KG				228	1.423	123			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/01/2019	TO: TTC2 - P8 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hòì - KHOÀN - THỤ	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. VĂN QUY	P8				62	69	KH-THAC	Vietnamese
2	VU HUU CHINH	P8	51	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NG. HAI SANG	P8	52	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHUNG VAN CHINH	PPD	54	1	4		75	KHI	Vietnamese
5	TRAN VAN THANH	PPD	55	1	7		56	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN HUY SON	PPD	53	1	4		81	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN ANH TAI	PPD	44	1	3		74	KHI	Vietnamese
8	NG. THANH SON	PPD	43	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC HOA	PPD	60	1	5	15	71	KHI	Vietnamese
10	PHAN ĐĂNG TUÂN	PPD	64	1	10		60	DVL	Vietnamese
11	BUI BACH DUONG	PPD	45	1	8		69	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN MINH HOAN	PPD	61	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN QUOC	PPD	56-57	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
14	VO KIM THONG	PPD	48-49	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TRANG	PPD	58-59	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
16	LE VAN QUAN	PPD	50	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG DUY TAI	PPD	51-52	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG TUAN CUONG	PPD	46-47	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	0	0	0	0	0	0	2	CHUYEN 2 PAX TTC2 SANG P8
2	P8	3	2	20	189	62	1		
3	PPD	15	20	142	1.020	15	19		
TOTAL		18	22	162	1.209	77	20		
WEIGHT KG				162	1.209	77			

GRAND TOAL: 1.448 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/01/2019	TO: P4 - BK10 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - HUY	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHIAN HONG TAM	P4	36-37	2	15		60	KHI	Vietnamese
2	KOLESHNIK A	P4	24	1	5		100	KHI	Russian
3	TRUONG THANH GIAP	P4	25	1	5		75	KHI	Vietnamese
4	PHAM TRAI	P4	26	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN DANG TUAN	P4	29	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	TA XUAN HIEU	P4	46	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	PHAM DUC HIEP	P4	43	1	5		76	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VIET NGOC	P4	42	1	5		65	KHI	Vietnamese
9	VU DINH CUONG	P4	23	1	5	20	75	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN MINH CANG	P4	41	1	5		74	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TAI	P4	44	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	PHAN DINH NHAM	P4					65	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	22	1	10		75	KHI	Vietnamese
14	VU TIEN SU	P4	38-40	3	17		65	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN MANH HUNG	P4	32	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
16	TRINH XUAN TINH	P4	34-35	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN KHAC HOANG	P4	30-31	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
18	DUONG TRUNG DUNG	P4	33	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
19	LE HOANG SON	P4	27-28	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN BINH LONG	CTK3	05	1	5	20	67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TRI TIN	CTK3	02	1	5		70	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	19	24	164	1.362	20	17		
2	BK10	0	0	0	0	40	2		
3	CTK3	2	2	10	137	20	3		
TOTAL		21	26	174	1.499	80	22		
WEIGHT KG				174	1.499	80			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+C10+PVD6	7:25	3+19+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ TD1-C10
2		P4+RP2+PVD1	7:25	9+5+8	0+0+0		8+6+8	0+0+0	
3		BK6+TD1	7:25	5+17	0+0		0+22	0+0	
4		TGTH4+TTC1+P4	7:25	1+0+18	0+0+0		1+2+19	0+0+0	
5		TTC3+TTC2+P5	9:25	0+0+13	0+0+0		4+0+18	0+0+0	CHUYỂN 5 PAX TỪ TTC3-TTC2
6		PVD1+C10	9:25	20+0	0+0		19+3	0+0	
7		P2+BK10+P5	9:25	19+3+0	0+0+0		17+0+5	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ P2-BK10
8		AMD+P9+BK5	9:25	17+0+5	0+0+0		15+2+4	0+0+0	
9		BK8+BK9+P1	11:25	12+0+10	0+0+0		8+1+13	0+0+0	
10		RC4+P7	11:25	8+13	0+0		0+21	0+0	
11		HSD+P2	11:25	6+15	0+0		0+22	0+0	
12		TD5+BK6+P7	11:25	7+3+8	0+0+0		6+8+8	0+0+0	
13		P3+AMD	13:25	14+8	0+0		11+11	0+0	
14		P6+P1+GTCL	13:25	5+16+0	0+0+0		4+14+4	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
4 NGƯỜI BK6 ĐI VỀ TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2019	TO: TD1 - CLO - PVD6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Phong - QViệt - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KROKHALEV MIKHAIL	TD1	23	1	5	30	90	KHOAN	Russian
2	VU DINH PHONG	TD1	22	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH THUY	TD1					65	KHOAN	Vietnamese
4	BUI DUC LUAN	CLO	06	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VAN TRUNG	CLO	07	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUY NAM	CLO	11	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN VINH	CLO	12	1	5	30	76	KHOAN	Vietnamese
8	DAU VAN MINH	CLO	10	1	5	15	75	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM VAN DUOC	CLO	15	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN GIA THAO*PK-PVD	CLO	08	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN HUU SON	CLO	01	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	DO THANH LIEM	CLO	16	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
13	CAO VAN VIET	CLO	09	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MANH HOAN	CLO	22	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
15	DANG VAN DO	CLO	03	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC TUAN	CLO	02	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM THE TAM	CLO	17-18	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC THACH	CLO	13	1	10		60	D-HANH	Vietnamese
19	MAKAROV	CLO	19	1	9		95	ANTOAN	Russian
20	DO TRONG HIEN	CLO	14	1	5		72	DVL	Vietnamese
21	KRAVTSOV ALEXANDER	CLO	05	1	17		72	DVL	Russian
22	TRAN CONG CHIEN	CLO	04	1	5		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	3	2	10	217	50	0	2	CHUYEN 02 PAX TU TD1 SANG CLO
2	CLO	19	20	124	1.353	45	16		
3	PVD6	0	0	0	0	15	6		
TOTAL		22	22	134	1.570	110	22		
WEIGHT KG				134	1.570	110			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2019	TO: P4 - RP2 - PVD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Vận - CHIẾN - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SAGIROV M. S.	P4	61	1	10	16	70	KH-THAC	Russian
2	SOKOLUC C. M.	P4	60	1	6		83	KH-THAC	Russian
3	VLASOVA A. M.	P4	62	1	6		91	KH-THAC	Russian
4	ĐO HUU NAM	P4	58	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN SI TUAN	P4					61	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN ANH ĐỨC	P4	57	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN VINH	P4	59	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐAO MINH TUAN	P4					75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM TRẦN TUÂN AN	P4	64	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
10	LUÔNG NGỌC THANH	RP2	17-18	2	14	60	96	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THUA THAI	RP2	10	1	8	40	59	CODIEN	Vietnamese
12	PHẠM HỮU MINH	RP2	09	1	5		56	GETRACO	Vietnamese
13	CAO DUY LUNG	RP2	08	1	6		56	GETRACO	Vietnamese
14	NGÔ VĂN KHÔI	RP2	19	1	6	27	70	NHATHAU	Vietnamese
15	BUI TRONG TOAN	PVD1	90-91	2	11		75	KHOAN	Vietnamese
16	MAI HAI LONG	PVD1	94	1	7		77	D-HANH	Vietnamese
17	ROBERT SEAN HARRIS	PVD1	84-85	2	14		88	KHOAN	British
18	PHAN VAN HUNG	PVD1	93	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM MINH THANH	PVD1	88-89	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN DUY LONG	PVD1	87	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
21	LUU XUAN HANH	PVD1	86	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN DAC NAM	PVD1	92	1	5		55	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	9	7	48	698	16	8		
2	RP2	5	6	39	337	127	6		
3	PVD1	8	11	64	594	0	8		
TOTAL		22	24	151	1.629	143	22		
WEIGHT KG				151	1.629	143			

GRAND TOAL: 1.923 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/01/2019	TO: BK6 - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: MTHĂNG - VTHU - TDUNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỨC LỢI	BK6	100	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG THĂNG	BK6				40	75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN DUNG	BK6	51	1	4		65	NIPI	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN THĂNG	BK6					70	NIPI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN CÚ	BK6	99	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN DUNG*KT	TD1	63	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ NGUYỄN GIÁP*PK-PVD	TD1	66	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN NHƯ BĂNG	TD1	68	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	64	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	65	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
11	TRỊNH CAO TRỌNG	TD1	67	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
12	BUI NGỌC QUANG	TD1	69	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN TRÚC	TD1	73-74	2	15		63	BJ-PVD	Vietnamese
14	BUI VĂN QUÂN	TD1	70	1	10		75	BJ-PVD	Vietnamese
15	NGÔ MINH CHÁNH	TD1	71	1	9		64	BJ-PVD	Vietnamese
16	BUI XUÂN THIÊM	TD1	75	1	11		78	BJ-PVD	Vietnamese
17	LÊ ĐẮC TRIÊM	TD1	76-77	2	15		74	BJ-PVD	Vietnamese
18	PHẠM VĂN TRUNG	TD1	72	1	11		58	BJ-PVD	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THUY	TD1	60	1	8		72	D-HANH	Vietnamese
20	YANCHENKO	TD1	59	1	10		80	ANTOAN	Russian
21	BUI VĂN THÍCH	TD1	78	1	7	20	80	DVL	Vietnamese
22	PHẠM HOÀ VIỆT	TD1	61-62	2	10		70	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	5	3	12	342	40	0		
2	TD1	17	20	141	1.172	20	22		
TOTAL		22	23	153	1.514	60	22		
WEIGHT KG				153	1.514	60			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2019	TO: TGTH4 - TTC1 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 004	FROM: VT	CREW: HÙNG - VThắng - MQUÂN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH DANH	TGTH4	51	1	7	65	64	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐANG HỒNG VIỆT	P4	52	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THƯỢNG	P4	51	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
4	LAM VĂN PHÚC	P4	55	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN CHIẾN	P4	53	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN THANH SƠN	P4	58	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
7	LAM XUÂN HẢI	P4	47	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG ĐÌNH MINH	P4	44	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	P4	42-43	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI THANH CAM	P4	45	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÌNH VĂN TOÀN	P4	50	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC MINH	P4	46	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN CÔNG TÍNH	P4					66	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG KHÁC DU	P4	49	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU THANH	P4					69	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	54	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	56-57	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LAI MINH HOANG	P4	41	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
19	HOOANG VAN TRUNG	P4	48	1	7	10	67	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	1	1	7	64	65	1		
2	TTC1	0	0	0	0	45	2		
3	P4	18	18	93	1.221	10	19		
TOTAL		19	19	100	1.285	120	22		
WEIGHT KG				100	1.285	120			

GRAND TOAL: 1.505 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2019	TO: TTC3 - TTC2 - P5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 005	FROM: VT	CREW: Phong - QViệt - Năm	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HOANG VIET	P5	15	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VIET HUNG	P5	18	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
3	TONG XUAN SINH	P5					70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN MINH	P5	16	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DINH TU	P5	09	1	3	40	72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN MINH THANH	P5	08	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NGOC	P5	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TRONG NGHIA	P5	17	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN CAO MANH	P5	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	DO THANH HUNG	P5	12	1	5		70	YTE	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC TUAN	P5	11	1	5		75	PSV	Vietnamese
12	LE XUAN TINH	P5	14	1	5		70	PSV	Vietnamese
13	HOANG NGOC HOA	P5	10	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	0	0	0	0	30	4	5	CHUYEN 5 PAX TTC3 SANG TTC2
2	TTC2	0	0	0	0	30	0		
3	P5	13	12	63	919	40	18		
TOTAL		13	12	63	919	100	22		
WEIGHT KG				63	919	100			

GRAND TOAL: 1.082 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2019	TO: PVD1 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Vận - CHIẾN - HIẾU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN TRUNG	PVD1	23	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
2	TRUONG VAN THO	PVD1	96	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
3	VU XUAN ANH	PVD1	25	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN VIET	PVD1	95	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG VIET	PVD1	06	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
6	LUU QUOC NAM	PVD1	05	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN TRUNG	PVD1	24	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM HOANG DAT	PVD1	26	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM VAN DUC	PVD1	04	1	6		52	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN ANH	PVD1	02	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
11	DO DUC LAI	PVD1	28	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MANH DUONG	PVD1	27	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
13	DO VAN TIEN	PVD1	29	1	6		50	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN UT	PVD1	01	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM NGOC DUC	PVD1	03	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
16	HO VIET CUONG	PVD1	07	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
17	LE SON HAI	PVD1	20-22	3	19		68	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN THANH HUNG	PVD1	99,600	2	13		81	KHOAN	Vietnamese
19	NGO QUANG HUY	PVD1	97-98	2	20		81	KHOAN	Vietnamese
20	NGO VIET PHUONG	PVD1	08-09	2	6		86	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	20	25	142	1.423	0	19		
2	CLO	0	0	0	0	70	3		
TOTAL		20	25	142	1.423	70	22		
WEIGHT KG				142	1.423	70			

GRAND TOAL:

1.635 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2019	TO: P2 - BK10 - P5	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - VTHU -	ETA: 11:40
VANG-2		TDUNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ DUY TOÀN	P2	17	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG DUNG	P2	22	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	14	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN PHÚC ANH ĐÔNG	P2	24-25	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
5	DUƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	18	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC HÙNG	P2	19	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NAM	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ANH VŨ	P2	27	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	16	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ NGHĨA TÀI	P2	23	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN THAI	P2	28	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HÙNG	P2	21	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN THIÊN	P2	26	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ HUY QUYNH	P2				80	64	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ SỸ VANG	P2	15	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	HÀ VĂN NINH	P2	20	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI HOÀNG TÂM	P2	31	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	29	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ CHẾ LINH	P2	30	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
20	DUƠNG QUANG TRUNG	BK10	55	1	9		100	XAYLAP	Vietnamese
21	HOÀNG NGỌC HOÀI	BK10	53-54	2	15	15	62	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN MINH TÂM	BK10	56-57	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	19	18	97	1.281	80	17	1	CHUYỂN 1 PAX P2 SANG BK10
2	BK10	3	5	42	224	15	0		
3	P5	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	23	139	1.505	95	22		
WEIGHT KG				139	1.505	95			

GRAND TOTAL: 1.739 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/01/2019	TO: AMD - P9 - BK5	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HUNG - VThăng - MQUÂN	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH THUONG MAI	AMD	50-51	2	10		60	TLJOC	Vietnamese
2	HY TAC SANG	AMD	55	1	11		72	TLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN ANH DUY	AMD	49	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG NHAT QUANG	AMD	48	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG THE HIEN	AMD	54	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH KHANH	AMD	47	1	2	70	63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM THANH BINH	AMD	43	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN QUANG THANH	AMD	42	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU HUU CHINH	AMD	39	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG KIEN	AMD	46	1	11	11	90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MINH HOANG	AMD	56	1	11		90	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN VINH	AMD	44	1	2		57	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DINH TUAN	AMD	38	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG ANH SON	AMD	53	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM ANH DUC	AMD	37	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	40-41	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN DUY PHUONG	AMD	52	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM VAN TAP	BK5	79	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
19	DOAN VAN TRINH	BK5	80	1	5	50	60	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI THE DUONG	BK5	81	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN CHINH	BK5	76-77	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	78	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	19	120	1.178	81	15		
2	P9	0	0	0	0	0	2		
3	BK5	5	6	41	326	50	4		
TOTAL		22	25	161	1.504	131	21		
WEIGHT KG				161	1.504	131			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/01/2019	TO: BK8 - BK9 - P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hạnh - TÙNG - Vũ	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHEVCHENKO	BK8	34	1	7		75	KH-THAC	Russian
2	KUSHENKO	BK8	35-37	3	11		70	KH-THAC	Russian
3	BADIKOV	BK8	33	1	10		68	KH-THAC	Russian
4	CAO VĂN ĐAU	BK8	25	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO VĂN MAY	BK8	29	1	5	50	68	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VIỆT CUONG	BK8	32	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HOANG GIANG	BK8	31	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HOAN	BK8	41-42	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ XUAN HIEN	BK8	24	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN HUNG LONG	BK8	27-28	2	12		53	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN THỊNH	BK8	30	1	5		62	PSV	Vietnamese
12	LÊ VIỆT HUNG	BK8	26	1	5		67	PSV	Vietnamese
13	TSOPANOV A.V	P1	12	1	8		99	KH-THAC	Russian
14	KISELEV IGOR	P1	13	1	18		95	KH-THAC	Russian
15	LÊ NGỌC HAI	P1	10	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY HUNG	P1	14	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THẾ VINH	P1	09	1	5	20	67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HỮU DUNG	P1	07-08	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P1	06	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	05	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ KIẾN TRUNG	P1	11	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	12	16	99	805	50	8		
2	BK9	0	0	0	0	20	1		
3	P1	10	10	66	786	20	13		
TOTAL		22	26	165	1.591	90	22		
WEIGHT KG				165	1.591	90			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2019	TO: RC4 - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hôi - MTHAO - DTùng	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN DUY TIẾN	RC4	17	1	8	30	71	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN THAI BÌNH	RC4	18	1	4	53	71	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH HIẾN	RC4	16	1	9		79	XAYLAP	Vietnamese
4	HÀ XUÂN THANH	RC4	12-13	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH HÙNG	RC4	14-15	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC TỈNH	RC4	08-09	2	14		67	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG TRỌNG PHÚC	RC4	19	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN PHÚC	RC4	10-11	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
9	LƯƠNG QUỐC VƯƠNG	P7	86	1	5	35	79	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH HOÀI NAM	P7	81	1	19		85	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI VĂN SƠN	P7	82-83	2	10		59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN BẠC	P7	87	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HỮU DƯƠNG	P7	84	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC SƠN	P7					74	KH-THAC	Vietnamese
15	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7					77	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	P7	85	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LÂM ĐĂNG GIANG	P7					75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN GIA CHUNG	P7	80	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUÝ TRUNG	P7	77	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
20	VU PHƯƠNG HƯƠNG	P7	76	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	P7	78-79	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	8	12	86	570	83	0		
2	P7	13	12	80	935	35	21		
TOTAL		21	24	166	1.505	118	21		
WEIGHT KG				166	1.505	118			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/01/2019	TO: HSD - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:10
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: MTHANG - VTHU -	ETA: 13:50
CAM-3		HTNam	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. MẠNH HUNG	HSD	32-33	2	15		82	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO VIỆT PHƯƠNG	HSD	30	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
3	HA VAN THUY	HSD	31	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐUÔNG	HSD	37	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NG. VĂN ĐOÀN	HSD	38	1	10	17	88	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TRI DUNG	HSD	34-36	3	17		60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN THANH HIEN	P2	57	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TAN QUAN	P2	59	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN NAM	P2	60	1	2		71	KH-THAC	Vietnamese
10	LE CONG LUY	P2	50	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN CHI HUONG	P2	46	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN CHUONG	P2	44	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VAN SON	P2	58	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
14	VU DUC HOANG	P2	51	1	5		66	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN BAU	P2	45	1	9		59	ANTOAN	Vietnamese
16	TRAN DUC TUAN	P2	42-43	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
17	PHUNG THE TAI	P2	56	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
18	LE NGOC CUONG	P2	52-53	2	19		66	XAYLAP	Vietnamese
19	HA VAN NHIEM	P2	47	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
20	LE HONG CUONG	P2	48-49	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
21	LAI HUY CUONG	P2	54-55	2	20		54	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	6	9	68	434	17	0		
2	P2	15	19	156	1.001	0	22		
TOTAL		21	28	224	1.435	17	22		
WEIGHT KG				224	1.435	17			

GRAND TOAL: 1.676 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2019	TO: TD5 - BK6 - P7	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: HUNG - VThăng - MQUÂN	ETA: 13:40
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TÂN	TD5	02	1	9		57	CODIEN	Vietnamese
2	VU ANH TUAN	TD5	03-04	2	15		68	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM HOANG	TD5	05-07	3	17		64	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC KHOA	TD5	09-10	2	20		88	CODIEN	Vietnamese
5	ĐANG TIẾN TOÀN	TD5	12	1	5		68	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN BA THUẬN	TD5	11	1	12		66	CODIEN	Vietnamese
7	ĐOÀN XUAN CUONG	TD5	08	1	14		74	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HAI	BK6	57-58	2	14		76	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI TRAN VIET	BK6	54	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC AN	BK6	55	1	5	20	57	PSV	Vietnamese
11	PHẠM XUÂN HÒA	P7	82	1	7		64	YTE	Vietnamese
12	ĐÀO TUAN CHU	P7	80	1	4		68	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	P7	78	1	4		54	PSV	Vietnamese
14	LÊ HỮU LONG	P7	85	1	4		57	PSV	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC CUONG	P7	79	1	5		63	PSV	Vietnamese
16	LÊ PHUỘC ĐỨC	P7	84	1	5	60	73	PSV	Vietnamese
17	LÊ CHÍ CUONG	P7	86	1	8		50	PSV	Vietnamese
18	PHẠM HỮU ANH	P7	83	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	7	11	92	485	0	6		
2	BK6	3	4	23	201	20	8		
3	P7	8	8	42	484	60	8		
TOTAL		18	23	157	1.170	80	22		
WEIGHT KG				157	1.170	80			

GRAND TOAL: 1.407 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2019	TO: P3 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:00
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Hạnh - TÙNG - Vũ	ETA: 15:40
xanh-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN THANH	P3	85	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
2	CHAU ĐÌNH TU	P3	82	1	5	38	72	KH-THAC	Vietnamese
3	LAM TUÂN KHAI	P3	88	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HUY BÁC	P3	41-42	2	18		67	CODIEN	Vietnamese
5	LÊ KHAI ĐẠT	P3	89-90	2	14		94	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN QUYÊN	P3	91	1	3		54	GETRACO	Vietnamese
7	NG. KIM SƠN	P3	86-87	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH KHA	P3	40	1	6		67	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN KHÁC CUÔNG	P3	38-39	2	15		73	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG TRUNG	P3	37	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P3	81	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN CÔNG THANH	P3	43	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ DUY KHUÔNG	P3	83-84	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG MINH ĐỨC (PVDI)	AMD	64	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG CÔNG AN	AMD	61	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG CÔNG TÂN	AMD	65	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH LÊ B THANH	AMD	66	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	63	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NG. VĂN NHÀ	AMD	62	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG NGOC ANH	AMD	69-70	2	10	15	71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN THUY	AMD	67-68	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	13	18	106	874	38	11		
2	AMD	8	10	63	540	15	11		
TOTAL		21	28	169	1.414	53	22		
WEIGHT KG				169	1.414	53			

GRAND TOAL: 1.636 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2019	TO: P6 - P1 - GTC1	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:05
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: Hồi - MTHAO - DTùng	ETA: 15:45
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN DOANH	P6	78	1	5		65	VIỆT PHÁT	Vietnamese
2	ĐỖ CÔNG MINH	P6	79	1	2	30	70	GETRACO	Vietnamese
3	LÊ KIM SANG	P6	76	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC SƠN	P6	78	1	2		85	GETRACO	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY CANH	P6	77	1	5		56	GETRACO	Vietnamese
6	PHẠM BA NGÂN	P1	29	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ XUÂN CHUÔNG	P1	16	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	38	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THUY	P1	30	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	34	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ NAM CUÔNG	P1	17	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HOANG NIÊN	P1	35	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG ĐÌNH KIỀU	P1	32	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ QUANG ANH	P1	39	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THĂNG	P1	21	1	5	35	50	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	31	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ HỒNG HAI	P1	20	1	14		63	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM ANH SƠN	P1	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN DUY KHANH	P1	36-37	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	P1	19	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TÂM	P1	33	1	10		70	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	5	5	19	341	30	4		
2	P1	16	17	91	1.058	35	14		
3	GTC1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	22	110	1.399	65	22		
WEIGHT KG				110	1.399	65			

GRAND TOAL: 1.574 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN